

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/12/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị Bạch T**, sinh năm 1982 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Sơn Tiến, thị trấn SS, huyện HD, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, bà Hồ Thị Bạch T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Bạch T và ông Trần Thanh T1 sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1999 nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được ba người con chung tên Trần Thanh Tánh, sinh

ngày 20/12/2003; Trần Thanh Thi, sinh ngày 04/12/2005 và Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì tình cảm vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng không thể giải quyết được, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến việc hai vợ chồng bà sống ly thân từ 02 năm nay.

Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Tánh và Nhi đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình làm việc tại Tòa án và tại bản khai bị đơn ông Trần Thanh T1 trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Ông và bà T kết hôn với nhau vào năm 1999 nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về nhiều mặt. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý để mỗi người có cuộc sống riêng, mặc dù ông còn thương vợ và con.

- Về con chung: Ông và bà T có ba người con chung tên Trần Thanh Tánh, sinh ngày 20/12/2003, Trần Thanh Thi, sinh ngày 04/12/2005 và Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018. Ông T1 đồng ý giao cháu Thảo cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông sẽ lo cho các con tốt nhất có thể. Đối với cháu Tánh và Thi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T1 và giữ nguyên yêu cầu về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

2. Xét về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Bạch T và ông Trần Thanh T1 được xác lập vào năm 1999 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống

với nhau, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau trong cuộc sống chung, bất đồng quan điểm nhiều mặt không thể khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, dẫn đến việc ông bà đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không quan T1 đến cuộc sống của nhau.

Do quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị pháp lý. Ông bà có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng ông bà vẫn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, từ đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1.

3. Về con chung: Bà T và ông T1 có ba người con chung tên Trần Thanh Tánh, sinh ngày 20/12/2003; Trần Thanh Thi, sinh ngày 04/12/2005 và Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018. Ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018 đến tuổi trưởng thành. Tại các bản khai ông T1 đồng ý giao cháu Thảo cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Đối với cháu Trần Thanh Tánh, sinh ngày 20/12/2003 đã đến tuổi trưởng thành, hiện nay cháu đã đi làm tự nuôi sống được bản thân nên HĐXX không xem xét. Riêng cháu Trần Thanh Thi, sinh ngày 04/12/2005, bà T và ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Xét thấy, tại bản tự khai đề ngày 30/11/2021 cháu Thi có nguyện vọng muốn sống với cha nên HĐXX chấp nhận giao cháu Thi cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 8,9, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Bạch T và ông Trần Thanh T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Thảo, sinh ngày 05/12/2018 cho bà Hồ Thị Bạch T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trần Thanh Thi, sinh ngày 04/12/2005 cho ông Trần Thanh T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Trong thời gian nuôi dưỡng con chung, ông T1 và bà T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Hồ Thị Bạch T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0001397 ngày 17 tháng 11 năm 2021. Bà T không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc